

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SỬ DỤNG TỪ NGỮ CỦA HỌC SINH PHỔ THÔNG

NGUYỄN THỊ HIỀN*

TÓM TẮT

Vấn đề đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh phổ thông đã được đặt ra từ lâu trong dạy học Tiếng Việt. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn không ít vấn đề cần phải được quan tâm và giải quyết một cách triệt để nhằm góp phần điều chỉnh và đổi mới hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo hướng đánh giá năng lực - một trong những mắt xích trọng yếu của quá trình đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay. Bài viết này đề xuất một số vấn đề về đánh giá năng lực sử dụng từ ngữ của học sinh theo hướng tiếp cận năng lực nhằm góp phần hỗ trợ giáo viên trong quá trình giảng dạy và kiểm tra, đánh giá.

Từ khóa: kiểm tra, đánh giá; năng lực sử dụng từ ngữ.

ABSTRACT

The assessment of word-using competency of high school students

The Assessment of Language Proficiency competency of high school students have been set for a long time in teaching Vietnamese. However, in fact, many problems still need to be considered and thoroughly solved to contribute to adjustment and innovation in examination and evaluation of learning outcomes of students towards competency assessment, one of the key links of innovation process in education nowadays. This article present some issues about word-using competency assessment of high school students towards approaching capacity to support teachers in teaching, examination and assessment processes.

Keywords: examination, assessment, word-using competency.

1. Việc dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông hiện nay có nhiều nội dung khác nhau: *chính tả, từ vựng, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ, hội thoại, chương trình địa phương, kiểm tra đánh giá...* Tùy từng lớp học, bậc học mà chương trình phân lượng cho từng nội dung dạy học này có sự khác nhau. Trong số thời lượng chung dành cho nội dung dạy học Tiếng Việt từng lớp, ví dụ như ở THCS là 35 tiết thì phần dành cho từ ngữ ở lớp 6 là 12 tiết, ở lớp 7 là 15 tiết, ở lớp 8 là 9 tiết và ở lớp 9 là 10 tiết. Như vậy

với tổng số 140 tiết Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THCS hiện hành thì số lượng thời gian dành cho Từ ngữ tổng cộng là 46 tiết, chiếm tỉ lệ 33%. Ở THPT, nội dung học tập chủ yếu là các vấn đề về phong cách ngôn ngữ, các biện pháp tu từ, hội thoại, lí thuyết giao tiếp... nên những vấn đề về từ ngữ được đan xen trong các nội dung này mà không có sự tách biệt một cách rõ ràng như THCS. [1], [2]

Chúng ta hãy theo dõi bảng so sánh dưới đây (được chúng tôi tổng hợp từ nội

* TS, Trường Đại học Hải Phòng

dung dạy học từng lớp được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn và SGK Ngữ văn 6,7,8,9) để thấy rõ hơn tỉ lệ thời lượng dành cho phần từ ngữ so với thời lượng dành cho

ngữ pháp ở THCS để hiểu thêm phần nào đó việc chúng tôi đặt ra vấn đề đánh giá năng lực sử dụng từ ngữ của học sinh phổ thông:

Lớp \ Thời lượng	Từ vựng	Ngữ pháp
Lớp 6	12 tiết	19 tiết
Lớp 7	15 tiết	13 tiết
Lớp 8	9 tiết	20 tiết
Lớp 9	10 tiết	16 tiết
<i>Tổng cộng:</i>	<i>46 tiết</i>	<i>68 tiết</i>

Nhìn vào bảng so sánh trên, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra là, dù phân lượng ở từng lớp học, bậc học thế nào đi nữa thì nội dung dạy học từ ngữ ở cả THCS và THPT vẫn là một trong những nội dung nhận được sự chú ý thích đáng của chương trình. Riêng ở bậc THCS, lớp nào cũng có các nội dung dạy học riêng về từ ngữ, thời lượng khá nhiều và tương đối đồng đều giữa các lớp.

Nội dung dạy học từ ngữ như vậy là quan trọng và sự quan tâm của giáo viên đối với mảng nội dung kiến thức ấy cũng không phải là nhỏ. Nhưng những điều đó không tỉ lệ thuận với kết quả sử dụng từ của học sinh trong hoạt động giao tiếp nói chung và học tập nói riêng như chúng ta chờ đợi. Qua khảo sát các bài kiểm tra, các bài làm văn của học sinh cũng như trao đổi với giáo viên, chúng tôi nhận thấy học sinh còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ như: lỗi dùng sai nghĩa từ, lỗi kết hợp từ, lỗi dùng từ không phù hợp với ngữ cảnh... Vì sao lại như vậy? Theo chúng tôi có nhiều lí do để giải thích cho hiện tượng này: phải chăng nội dung dạy

học còn mang tính kinh viện, còn thiên về trình bày lí thuyết theo kiểu hệ thống, cấu trúc mà phần nào đó còn nhẹ về việc hành chức, việc thực hiện chức năng của ngôn ngữ; phải chăng phương pháp dạy học của giáo viên chưa sáng tạo, chỉ dạy theo sách, dạy theo cách giải thích lí thuyết và minh họa lí thuyết; và phải chăng cũng do cách kiểm tra đánh giá của giáo viên đối với học sinh là cách kiểm tra hướng đến lí thuyết, hướng đến nhận thức mà ít có sự quan tâm đến sự vận dụng lí thuyết, đưa lí thuyết vào thực tiễn...?

Trong bài viết này, chúng tôi muốn bàn sâu thêm một trong những lí do vừa nêu ở trên: cách kiểm tra đánh giá kĩ năng sử dụng từ ngữ của học sinh.

2. Trong trường phổ thông, nhìn từ phương diện nghĩa học, học sinh được tìm hiểu các nội dung sau: *nghĩa của từ, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, trường nghĩa...*; nhìn từ phương diện kết học, học sinh được tìm hiểu: *cấu tạo từ, khả năng kết hợp từ, chức năng cú pháp của từ ...*; nhìn từ phương diện dụng học, từ

được tìm hiểu trong mối quan hệ với hoàn cảnh và người dùng: *nghĩa hiển ngôn, nghĩa hàm ngôn, hội thoại...* Với từng nội dung trên, cách kiểm tra đánh giá năng lực học sinh sẽ có sự khác nhau, tùy thuộc vào nội dung và mục đích kiểm tra đánh giá. Nhưng cũng từ những kết quả khảo sát, phỏng vấn trên, có thể nói một cách khái quát nhất, việc đánh giá học sinh hiện nay của giáo viên chủ yếu là cách kiểm tra đánh giá nhận thức, đánh giá sự hiểu biết của học sinh về *nghĩa của từ, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, trường nghĩa; cấu tạo từ, khả năng kết hợp từ, chức năng cú pháp của từ...* Điều này có nghĩa là cách đánh giá này nghiêng về góc độ kiểm tra, đánh giá chiều sâu kiến thức của học sinh về hệ thống, cấu trúc của tiếng Việt. Còn việc đánh giá học sinh về cách sử dụng các hiểu biết về từ để tạo ra lời nói, tạo ra các bài viết thì lại chưa được chú ý nhiều. Điều này phản ánh một thực tế là việc đánh giá về sử dụng từ của học sinh còn những điều bất cập, chưa phát huy được năng lực học sinh. Chính vì vậy mà kết quả là học sinh có thể hiểu được nghĩa của từ, nắm được cấu tạo của từ, biết được đầy đủ chức năng ngữ pháp của từ... mà các em vẫn không tạo ra được những câu văn hay, những bài viết tốt. Đây là dấu hiệu thể hiện rõ nhất năng lực sử dụng từ của học sinh còn những hạn chế nhất định.

Vấn đề đánh giá năng lực sử dụng từ của học sinh phổ thông đã được đặt ra từ rất lâu nhưng không có nghĩa là lâu mà vấn đề đã được giải quyết một cách triệt để. Còn nhiều điều làm chúng ta băn

khoăn, trong đó có vấn đề: chúng ta đã rờn rã trong nhiều năm đánh giá việc sử dụng từ của học sinh, nhưng *đánh giá như thế nào là đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực?* Dưới đây, chúng tôi xin nêu lên cách hiểu của mình trong việc đánh giá học sinh sử dụng từ ngữ theo hướng tiếp cận này.

2.1. Đánh giá năng lực sử dụng từ ngữ của học sinh thông qua đánh giá qua giao tiếp và bằng giao tiếp

Việc đánh giá chính xác và đầy đủ năng lực sử dụng từ tiếng Việt, theo chúng tôi, điều quan trọng nhất không phải là ở việc các em hiểu đúng hay sai nghĩa của từ, biết đây là từ ghép còn kia là từ láy, tạo ra những kết hợp đúng hay sai quy tắc ngữ pháp tiếng Việt... mà là ở việc các em có sử dụng được từ ngữ đã học đó vào trong hoạt động giao tiếp - kể cả giao tiếp trực tiếp (miệng) và giao tiếp gián tiếp (viết) - hay không. Như vậy, việc có dùng được từ đã học, đã biết vào trong hoạt động giao tiếp hay không sẽ trở thành một tiêu chí đánh giá năng lực sử dụng từ của học sinh.

Nói đến chức năng ngôn ngữ, không thể không chú ý đến luận điểm của V. I. Lê-nin: "*Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của xã hội loài người*". Xem xét kĩ luận đề này, chúng ta nhận thấy có hai điểm nhấn khác nhau: *phương tiện* (giao tiếp) và (phương tiện) *giao tiếp*. Cách nhận thức về điểm nhấn khác nhau sẽ dẫn tới những phương hướng khác nhau trong việc tìm hiểu ngôn ngữ và theo đó là việc dạy tiếng cũng sẽ khác nhau. Trong dạy học tiếng Việt, nếu coi ngôn ngữ là *phương tiện*,

chúng ta sẽ tập trung giúp học sinh tìm hiểu hệ thống cấu trúc ngôn ngữ, các đơn vị ngôn ngữ và luyện cho các em cách sử dụng phương tiện đó trong hoạt động giao tiếp. Đây là quá trình *tổ chức ngôn ngữ* để giao tiếp. Đó là quá trình đi từ việc hiểu ngôn từ đến việc vận dụng ngôn từ vào hoạt động. Còn theo hướng thứ hai, học sinh sẽ đến thẳng với các tình huống giao tiếp và thông qua việc giải quyết các tình huống đó, các em sẽ rút ra được cách thức sử dụng ngôn ngữ. Đây là quá trình *tổ chức giao tiếp* bằng ngôn ngữ. Quá trình này đi từ việc hình thành kỹ năng tổ chức giao tiếp đến việc hình thành kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng sử dụng tiếng Việt.

Trong nhiều năm trước đây, việc dạy tiếng Việt đi theo hướng thứ nhất, hướng nhấn mạnh tính chất *phương tiện* của ngôn ngữ, nên kết quả dạy học tiếng Việt trong nhà trường chưa cao. Chúng ta dạy nhiều, học sinh đổ mồ hôi công sức cũng lắm mà việc sử dụng tiếng Việt của các em vẫn còn nhiều sai sót. Các em có thể đọc thuộc lòng các định nghĩa, các quy tắc sử dụng từ ngữ nhưng dùng chúng như thế nào trong giao tiếp, đó là điều các em chưa làm được. Nhận thức rõ những hạn chế ấy trong việc dạy tiếng theo hướng thứ nhất, việc dạy tiếng trong nhà trường hiện nay đã có nhiều thay đổi. Chúng ta đã chú trọng hơn đến việc vừa đảm bảo cung cấp cho học sinh những tri thức về hệ thống ngôn từ, vừa đảm bảo giúp các em nắm được đặc điểm của từ ngữ tiếng Việt trong việc thực hiện chức năng. Qua giao tiếp và bằng giao tiếp, các em sẽ hình thành năng lực ngôn ngữ, có

kỹ năng sử dụng từ tiếng Việt. Kết quả học tập tiếng Việt của học sinh được đánh giá không phải là ở chỗ các em nhắc lại có đầy đủ, chính xác các lý thuyết từ ngữ hay không mà chủ yếu phải là việc các em có thực hành được không, có xử lý đúng đắn các tình huống giao tiếp bằng ngôn ngữ hay không. Bởi thế, việc đánh giá năng lực sử dụng từ ngữ của học sinh qua giao tiếp và bằng giao tiếp là hết sức cần thiết. Đây là một hướng đi đúng không phải chỉ với việc dạy tiếng ở Việt Nam mà còn đúng với nhiều nước trên thế giới.

2.2. Đánh giá năng lực sử dụng từ ngữ của học sinh là đánh giá “kỹ thuật” tổ chức giao tiếp bằng ngôn từ

Có thể coi “kỹ thuật” tổ chức giao tiếp là tiêu chí thứ hai để đánh giá năng lực sử dụng từ của học sinh.

Việc dạy học từ ngữ trong nhà trường không phải chỉ đơn thuần là cung cấp cho các em một số khái niệm hay quy tắc ngôn từ, mà mục đích cuối cùng là giúp cho các em có được những kỹ năng, kỹ xảo trong việc sử dụng từ ngữ. Học sinh không thể chỉ biết những lý thuyết về trường nghĩa tiếng Việt, biết một khối lượng lớn các từ ngữ, mà lại không có khả năng sử dụng những hiểu biết ấy vào giao tiếp. Dạy tiếng cho các em không phải chủ yếu là dạy “kỹ thuật” ngôn từ, dùng từ thế nào cho hay, cho gợi cảm... mà là dạy “kỹ thuật” giao tiếp. Bởi thế, việc dạy từ ngữ gắn liền với hoạt động giao tiếp là con đường ngắn nhất, có hiệu quả nhất giúp các em nắm được các quy tắc sử dụng ấy. Vì thế có thể nói dạy học

từ ngữ cho học sinh chính là dạy cho các em cách tổ chức giao tiếp bằng từ ngữ.

Nhìn từ góc độ ngữ nghĩa của từ trong hệ thống ngôn ngữ, tức là xem xét nghĩa của từ khi tách rời ngôn bản, chúng ta thấy các thành phần nghĩa, các nét nghĩa luôn hoà quyện vào nhau, quan hệ chặt chẽ với nhau mà không tồn tại biệt lập, và không phải bao giờ cũng có thể phân định ranh giới giữa các nghĩa này một cách thật rõ ràng. Các nghĩa này mang tính khép kín, không biến đổi khi đứng trong hệ thống. Còn nhìn từ góc độ chức năng, chúng ta thấy trong quá trình hoạt động giao tiếp, nghĩa của từ được xác định một cách cụ thể, rõ ràng, luôn có sự biến đổi và chuyển hoá. Từ có thể được mở rộng nghĩa hoặc cũng có thể bị rút bớt nghĩa, thu hẹp nghĩa so với nghĩa của bản thân từ khi đứng trong hệ thống. Sở dĩ như vậy vì một mặt do từ khi đi vào lời nói sẽ nằm trong mối quan hệ với các từ khác, một mặt do chính cách lí giải nghĩa của từ một cách khác nhau ở những người giao tiếp khác nhau đem lại. Vì vậy, việc chọn từ ngữ này, loại bỏ từ ngữ khác, không phải chỉ phản ánh khách quan hiện thực mà thường cùng với nó là sự phản ánh “kĩ thuật” tổ chức giao tiếp, phản ánh thái độ hoặc cách quan niệm về những hiện thực được phản ánh đó.

Ví dụ, hai câu dưới đây không phải chỉ là sự phản ánh hiện thực mà còn là sự thể hiện thái độ, cách nhận thức về hiện thực đó khi thực hiện giao tiếp:

- *Việt Nam - Một nghìn năm dưới ách đô hộ của phong kiến phương Bắc.*

- *Việt Nam - Một nghìn năm chống ách đô hộ của phong kiến phương Bắc.*

Hai câu nói phản ánh hai thái độ, hai quan niệm khác nhau trong việc nhìn nhận về cùng một hiện thực.

Như vậy, năng lực sử dụng từ cần phải được xem xét, đánh giá trong sự đối chiếu với hoạt động giao tiếp: có phù hợp với người nghe, người nói hay không; có phản ánh đầy đủ, chính xác thái độ và tình cảm của người nói, người viết hay không... Trong mối quan hệ này thì “kĩ thuật” ngôn từ mới chỉ là phương tiện còn “kĩ thuật” giao tiếp, kết quả giao tiếp là mục đích.

2.3. Đánh giá năng lực sử dụng từ ngữ của học sinh là đánh giá hiệu quả tác động của từ ngữ được các em dùng trong bài nói, bài viết

Hiệu quả này có thể được xem xét đánh giá qua việc xem xét, đối chiếu kết quả đạt được so với mục đích đặt ra. Đây là tiêu chí thứ ba để đánh giá năng lực sử dụng từ ngữ của học sinh phổ thông.

Việc giao tiếp bằng ngôn ngữ không chỉ nhằm mục đích thông tin mà chủ yếu là nhằm mục đích tác động. Mỗi văn bản khác nhau nhằm một mục đích khác nhau, cho nên việc lựa chọn ngôn từ phụ thuộc vào mục đích ấy và cần phục vụ tốt nhất cho việc đạt mục đích ấy. Có văn bản đòi hỏi những từ ngữ được dùng phải có sức gợi cao. Có văn bản lại đòi hỏi từ ngữ được dùng phải có tính chính xác, chặt chẽ. Có văn bản đòi hỏi từ ngữ phải hùng hồn, đanh thép... Chính sự phù hợp giữa ngôn từ với mục đích văn bản sẽ có sự tác động đến người đọc người nghe. Hai từ ngữ có thể cùng phản ánh một khái niệm, nhưng ở văn bản này chỉ chấp nhận từ này mà không chấp nhận từ

khác, còn ở văn bản khác thì ngược lại. Bởi vậy, việc đánh giá năng lực sử dụng từ ngữ của học sinh cần phải được đánh giá trong việc đối chiếu với mục đích đặt ra, với hiệu quả của việc tác động.

Nói một cách khác, đánh giá năng lực dùng từ ngữ của học sinh cần hướng đến việc đánh giá sự phù hợp giữa ngôn từ được dùng với nội dung văn bản, với phong cách chức năng ngôn từ. Việc dùng từ ngữ phù hợp sẽ chiếm được tình cảm của người đọc người nghe, và qua việc chiếm được tình cảm ấy mà tác động đến nhận thức, hành động của họ, giúp họ đạt được kết quả mà mình mong muốn.

2.4. Đánh giá năng lực sử dụng từ ngữ của học sinh vừa cần đánh giá trong tiết học trên lớp, vừa cần đánh giá trong những hoạt động tự nhiên

Năng lực sử dụng dụng từ ngữ của học sinh không bao giờ được thể hiện hết trong những giờ lên lớp, trong những bài kiểm tra viết hoặc kiểm tra miệng. Do đặc điểm của những tiết học: sự hiện diện của giáo viên; thái độ, ánh mắt của bạn bè; sự ràng buộc về thời gian... nên một bài viết, bài nói nào đó của các em sẽ không thể và không bao giờ phản ánh được năng lực thật của các em. Kết quả trên lớp chỉ bộc lộ một phần nào đó năng lực sử dụng ngôn từ mà các em có được. Bởi vậy, để đánh giá được đầy đủ và chính xác năng lực đó, giáo viên phải quan sát, theo dõi và đánh giá việc dùng từ ngữ của các em trong môi trường hoạt động tự nhiên của mình. Một em nào đó, khi giáo viên chỉ định nói một điều gì đấy trên lớp, thì rất có thể “cạy miệng” em cũng không nói khi em đã không thích

nói và cũng vì thế giáo viên không thể đánh giá chính xác được năng lực dùng từ của em. Nhưng cũng chính em đó, trong những lúc giải lao, vui chơi với bạn bè thì có thể em lại là người nói nhiều nhất, “nói không ngừng, không nghỉ”. Phải chăng, ở môi trường tự nhiên này, em không chịu bất kỳ một áp lực nào, một sự chi phối nào. Em nói một cách tự nguyện, nói một cách tự nhiên. Đây chính là thời điểm giáo viên có thể lắng nghe để biết được năng lực thật nhất trong việc sử dụng từ ngữ của học sinh này.

Vì thế, bên cạnh việc đánh giá trong chính khóa, để đánh giá đúng được năng lực dùng từ của học sinh, giáo viên nên có sự lắng nghe, đánh giá học sinh trong môi trường nói năng tự nhiên của các em.

3. Trên đây là một số suy nghĩ bước đầu của chúng tôi trong hoạt động đánh giá việc sử dụng từ ngữ của học sinh theo hướng tiếp cận năng lực. Chúng tôi tin rằng, với những hội thảo về các vấn đề Ngữ văn được Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương, các trường đại học đã và sẽ tổ chức, cùng với sự cố gắng chung của các thầy cô giáo và các nhà nghiên cứu Ngữ văn, những vấn đề về năng lực sử dụng tiếng Việt nói chung và năng lực sử dụng ngôn từ của học sinh sẽ được làm rõ thêm và những tiêu chí đánh giá các năng lực ấy cũng sẽ được xác định trong thời gian sắp tới đây. Việc xác định rõ được các vấn đề này sẽ là điểm tựa để giáo viên phổ thông có thể dạy tốt phần Tiếng Việt trong nhà trường, đáp ứng được đòi hỏi của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Nxb Giáo dục.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Sách giáo khoa Ngữ văn 6,7,8,9*, Nxb Giáo dục.
3. Đỗ Hữu Châu (1996), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Lê Thị Mỹ Hà (2013), “Vận dụng PISA vào đánh giá môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia về dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, tr.511-524.
5. Lại Thị Thu Hiền (2013), “Thực hiện đổi mới ra đề kiểm tra đánh giá góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn Ngữ văn ở trường trung học phổ thông”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia về dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, tr.477-482.
6. Đức Nguyễn (2000), “Về hệ phương pháp dạy nghĩa của từ cho học sinh trung học cơ sở”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, 01/2000.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 28-10-2014; ngày phản biện đánh giá: 06-11-2014;
ngày chấp nhận đăng: 19-12-2014)